

5 Nakayoku asobou なかよく あそぼう

クーン ヴイ チョーイ
Cùng vui chơi

nawatobi
なわとび

ニヤイ ザイ
nhảy dây

Isshoni asobitaina.
いっしょにあそびたいな。
ムオン チョイ チュン クワー
Muốn chơi chung quá.

Iiyo.
いいよ。
ドウツ (ク)
Được.

Irete.
いれて。
チョー ミン パオ チョイ
Cho mình vào chơi.



sakkaa
サッカー

ダー ボーン
đá bóng

Sakkaa o shiyou.
サッカーをしよう。
クーン チョイ ダー ボーン
Cùng chơi đá bóng.



Ashi ga itaikara dekimasen.
あし が いたいから できません。
チャン ダウー ネン コン チョイ ドウツ (ク)
Chân đau nên không chơi được.



Basukettobooru
バスケットボール
ボーン ゾー
bóng rổ



Bokunimo yarasete.
ぼくにも やらせて。

チョー トイ チョイ ボイ
Cho tôi chơi với.

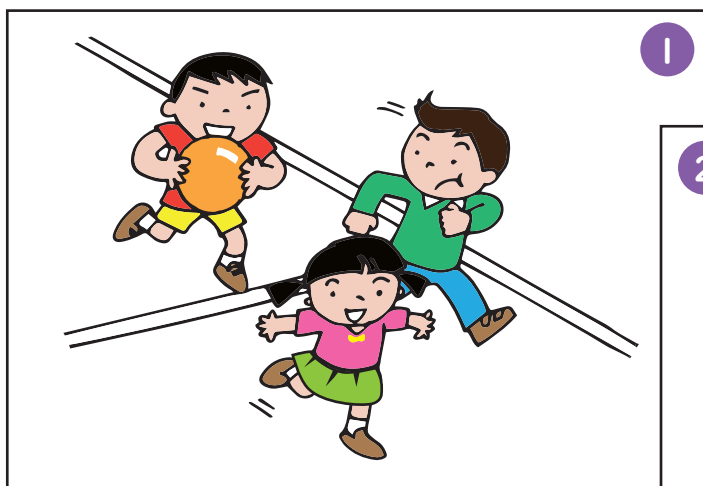
Isshoni yarou.
いっしょに やろう。
クーン チョイ ボイ ニャウ
Cùng chơi với nhau.



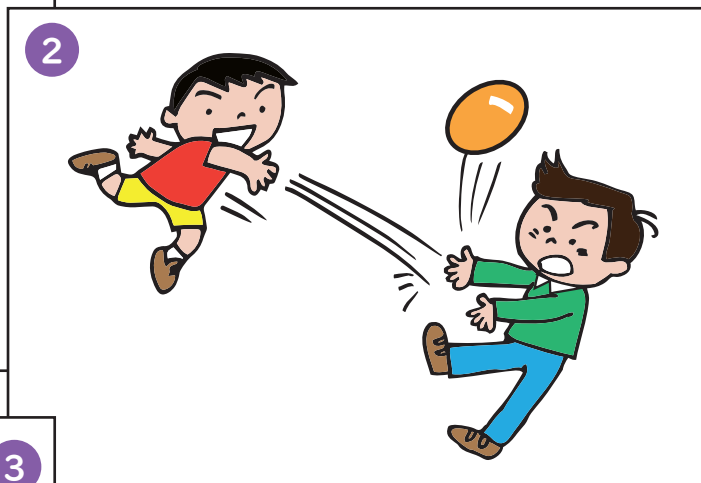
Douzo.
どうぞ。
ドウッ (ク)
Được.



dojjibooru
ドッジボール
ネム ボーン
ném bóng



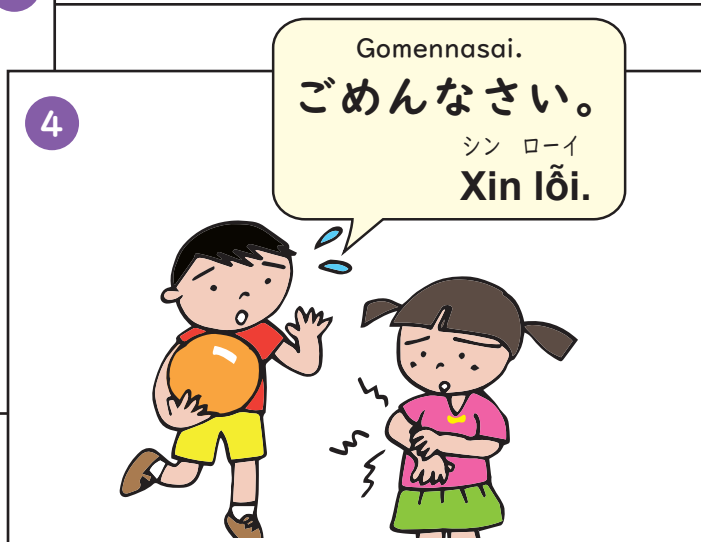
1



2



3

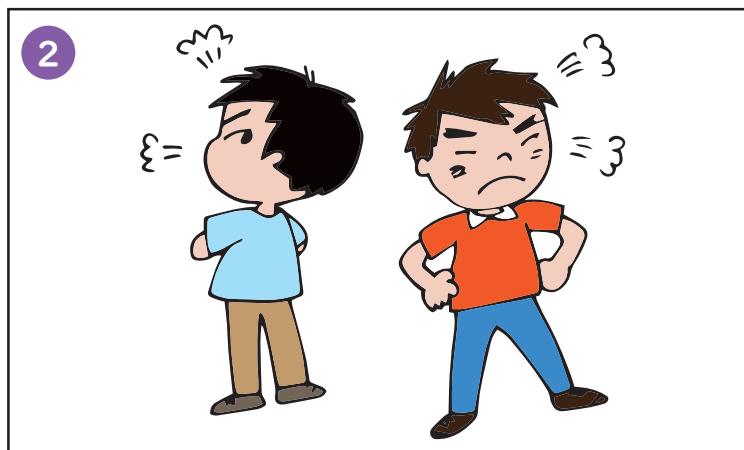


4

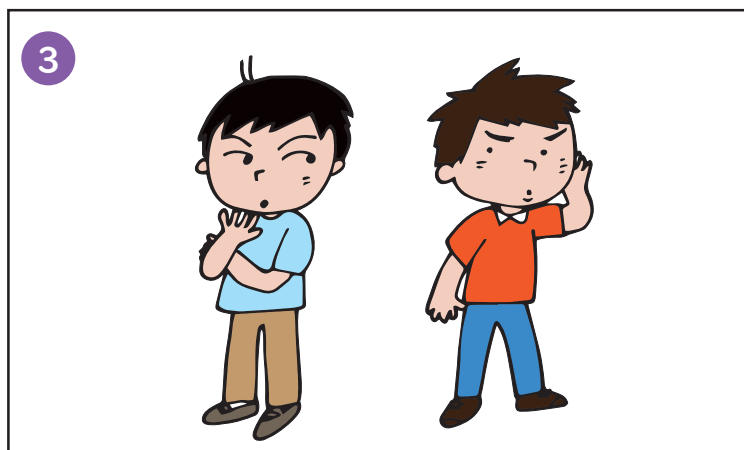
Gomennasai.
ごめんなさい。
シン ローイ
Xin lỗi.



ハイ パン ダーン ダイン ニャウ
※Hai bạn đang đánh nhau.

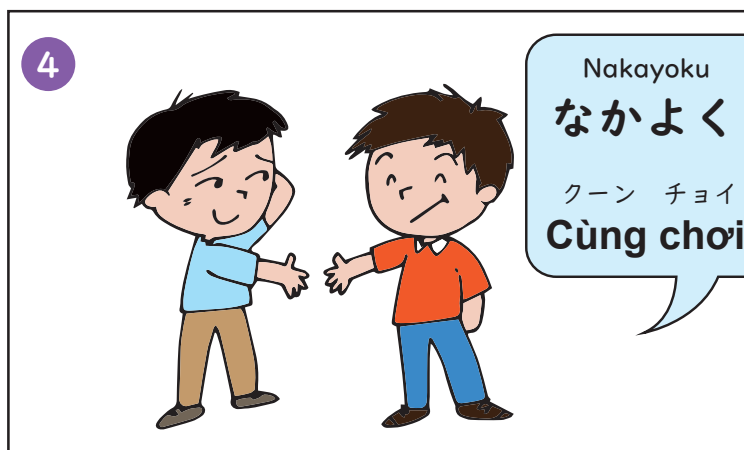


ハイ パン デウー ギー ドイ フウー コー ローイ
※Hai bạn đều nghĩ đối phương có lỗi.



ニュン ハイ パン デウー ムオン チョイ タン
※Nhưng hai bạn đều muốn chơi thân

ボー ニャウ
với nhau.



Nakayoku shiyō.
なかよく しよう。
クーン チョイ タン ニュー
Cùng chơi thân nhé.

クーン パッ(ト)タイ, ラム ホア ボイ ニャウ ナオ!
※Cùng bắt tay, làm hòa với nhau nào!

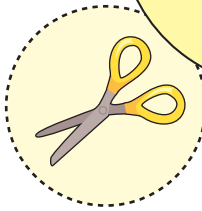
Janken
じゃんけん

オアン トゥー テー
oản tù tì



choki ケオ
ちょき kéo

Hasami
はさみ
カイー ケオー
cây kéo



Ishi
いし
クッ (ク) ダー
cục đá

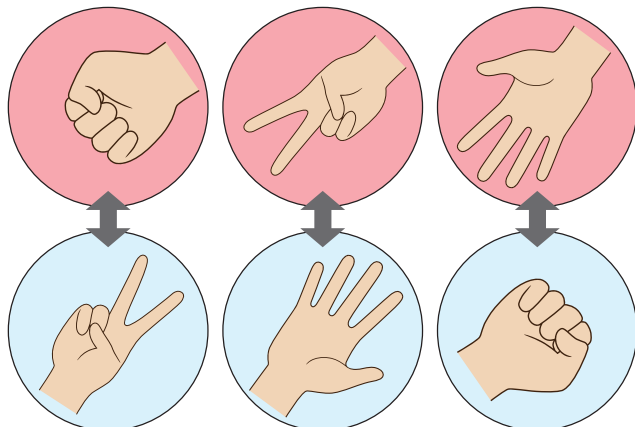
guu ブア
ぐう búa

paa バオ
ぱあ bao

Kami
かみ
ザイー
giấy

kachi
かち

ターン
thắng



make
まけ

トア
thua

aiko
あいこ

ホア
hoà

